TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/DS-ST
Ngày 06 – 05 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thái Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Phục

2. Ông Phan Công Điện

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang

Trong ngày 06 tháng 05 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 84/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Hữu N – sinh năm 1949

Địa chỉ: ấp H, thị trấn K, huyện PH, tỉnh Hậu Giang (có mặt)

Bị đơn: ông Huỳnh Văn , sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961

Địa chỉ: ấp 5, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu N trình bày như sau:

Vào ngày 16/11/2019 âm lịch, bị đơn ông Huỳnh Văn T có hỏi vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, việc vay nợ có làm cam kết vay nợ, thời gian trả là 06 tháng. Tuy nhiên, đến thời hạn trả tiền vợ chồng ông Huỳnh Văn T không có khả năng trả, xin trả nợ dần là 45 ngày trả 10.000.000 đồng nhưng vợ chồng ông Huỳnh Văn T trả được 01 lần với số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó đến hẹn vợ chồng ông Huỳnh Văn T không trả nữa. Nguyên đơn có nhắc nhở nhưng bị đơn chỉ hứa mà không thực hiện.

Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 40.000.000 đồng tính từ ngày 16/6/2020 âm lịch đến khi Toà án tuyên án sơ thẩm. Lãi suất theo quy định của Nhà nước.

Bị đơn ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đòi bị đơn trả số tiền 40.000.000 đồng, rút lại yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Về thẩm quyền xét xử: bị đơn có cùng địa chỉ tại ấp 5, xã H, huyện PH, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện PH.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn cho rằng có cho bị đơn vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất theo thoả thuận là 3%/tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã trả được số tiền 10.000.000 đồng, còn lại số tiền 40.000.000 đồng thì không tiếp tục trả nữa. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã xuất trình chứng cứ là *"Giấy cam kết vay nợ"* có chữ ký của ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị T, nội dung: *"ngày 16 tháng 11 năm 2018 âm lịch, vợ chồng tôi có đến nhà ông Nguyễn Hữu N ngụ ấp H, thị trấn K, huyện PH (Hậu Giang) vay mượn số tiền (50.000.000) năm mươi triệu đồng, với lãi suất 3%/tháng, phải đóng lãi mỗi tháng. Về thời hạn 6 tháng (sáu tháng) thì vợ chồng tôi sẽ hoàn trả lại số tiền đủ cho chú Năm. Hôm nay tôi làm tờ này để làm bằng nếu sau này vợ chồng tôi không làm tròn trách nhiệm với giao kết này tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật."* Chứng cứ này đã được Toà án thông báo đến bị đơn, tuy nhiên phía bị đơn không có ý kiến phản đối. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì chứng cứ của nguyên đơn xuất trình là tình tiết không phải chứng minh. Từ đó, có cơ sở để khẳng định bị đơn có vay tiền của nguyên đơn với số tiền 50.000.000 đồng và nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả được 10.000.000 đồng tiền gốc, còn lại số tiền gốc là 40.000.000 đồng đã quá thời hạn nhưng bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Xét bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng nên căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu N, buộc bị đơn ông Huỳnh Văn T

và bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm liên đới trả tiền cho nguyên đơn ông Nguyễn Hữu N.

[5] Về yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng từ ngày 16/6/2020 âm lịch cho đến khi Toà tuyên án sơ thẩm, phần lãi tính theo lãi suất Nhà nước quy định. Tại phiên toà, nguyên đơn đã tự nguyện rút lại yêu cầu tính lãi nên đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu N.

Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị T phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Hữu N số tiền vay là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu N về việc yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng từ ngày 16/6/2020 âm lịch cho đến khi Toà tuyên án sơ thẩm.

3. Về án phí: Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị T phải liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 2.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Công Điện **Bùi Văn Phục** **Hà Thái Thơ**

Nơi nhận:
- VKSND H PH;
- Chi cục THADS H PH;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hà Thái Thơ